TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 tháng 9 năm 2023
V/v: Ly hôn, giải quyết nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thịnh và ông Lê Xuân Hường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm. Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04/8/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2023

- Nguyên đơn: Chị Đậu Thị T, sinh năm: 1984. Nghề nghiệp: Công nhân. Chỗ ở hiện tại: 574/121, đường Sinco, khu phố 14, phường B, quận B1, thành phố H. Có mặt

- Bị đơn: Anh Trịnh Đức B, sinh năm 1979. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh H. Hiện đang trú tại Thôn A, xã X, huyện L, tỉnh L. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Đậu Thị T trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Chị Đậu Thị T và anh Trịnh Đức B kết hôn vào ngày 17 tháng 10 năm 2007 và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2015 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Toà giải quyết ly hôn với anh B.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trịnh Đức T1, sinh ngày 30/01/2008 và cháu Trịnh Cẩm T2, sinh ngày 19/02/2010. Chị T đề nghị giao cháu Trịnh Đức T1 cho anh Trịnh Đức B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trịnh Cẩm T2 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Theo các bản khai, đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt, anh Trịnh Đức B trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Anh Trịnh Đức B khẳng định vợ chồng kết hôn năm 2007, hôn nhân tự nguyện hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, tính cách không hợp và đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

- *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Đức T1, sinh ngày 30/01/2008 và Trịnh Cẩm T2, sinh ngày 19/02/2010. Anh B cũng nhất trí với ý kiến của chị T là giao cháu Trịnh Đức T1 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Cẩm T2 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Trịnh Đức T1 cũng có đơn nguyện vọng được ở với bố, cháu Trịnh Cẩm T2 có đơn nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án đã trực tiếp liên lạc với anh Trịnh Đức B thông qua gọi điện thoại có quay vi deo dưới sự chứng kiến của bà Phạm Thị H (mẹ đẻ anh B). Bà H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, các yêu cầu của anh B tại các đơn trình bày cũng như buổi làm việc trực tiếp là đúng thực tế, bà Hương không có ý kiến gì.

* *Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa*:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; có bản tự khai thể hiện đầy đủ ý kiến của mình về các vấn đề liên quan của vụ án. Bị đơn không đến làm việc trực tiếp tại Tòa án nhưng đã có đơn xin vắng mặt, bản tự khai lựa chọn tòa án giải quyết và thể hiện đầy đủ ý kiến của mình; việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đủ căn cứ giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xử:

+ Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị T xin được ly hôn anh Trịnh Đức B;

+ Về con chung: Giao con chung là Trịnh Đức T1, sinh ngày 30/01/2008 cho anh Trịnh Đức B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Cẩm T2, sinh ngày 19/02/2010 cho chị Đậu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét;

+ Về án phí: Chị Đậu Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn; bị đơn có hộ khẩu thường trú xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù không đến trực tiếp Tòa án để làm việc nhưng đã có đơn xin vắng mặt, bản tự khai lựa chọn tòa án giải quyết và thể hiện đầy đủ ý kiến của mình; việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin vắng mặt. Do đó, đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị T và anh Trịnh Đức B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Từ năm 2015, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên đã sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, chị Đậu Thị T làm đơn xin ly hôn với anh Trịnh Đức B. Anh B hiện nay đang đi làm ăn tại Lâm Đồng, mặc dù không có mặt tại Tòa án để làm việc nhưng qua bản tự khai, anh cũng thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, chị T làm đơn ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy rằng điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc phải xuất phát từ hai phía. Mặt khác, trên thực tế vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, thiếu tình cảm yêu thương và trách nhiệm trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị T về việc xin ly hôn anh Trịnh Đức B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trịnh Đức T1, sinh ngày 30/01/2008 và Trịnh Cẩm T2, sinh ngày 19/02/2010. Chị T đề nghị giao cháu Trịnh Đức T1 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Cẩm T2 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Trịnh Đức T1 cũng có đơn nguyện vọng được ở với bố, cháu Trịnh Cẩm T2 có đơn nguyện vọng được ở với mẹ.

Qua bản tự khai, anh Trịnh Đức B cũng đồng ý với yêu cầu của chị T và nguyện vọng của các con. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung Trịnh Đức T1, sinh ngày 30/01/2008 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Cẩm T2, sinh ngày 19/02/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Đậu Thị T là người khởi kiện nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235; Điều 266 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 57; 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị T được ly hôn anh Trịnh Đức B.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Đức T1, sinh ngày 30/01/2008 cho anh Trịnh Đức B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Cẩm T2, sinh ngày 19/02/2010 cho chị Đậu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Đậu Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0010021, ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đậu Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trịnh Đức B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Huệ